

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 57/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 15 tháng 11 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000
Khu công nghiệp Dược - Sinh học tại huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XVII KỲ HỌP ĐỂ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐÓT XUẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17
tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến
quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP
ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô
thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết
một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của
Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2021 của
Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp dược,
dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2023 của
Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược
Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 1735/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của
Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050;*



Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Thực hiện Thông báo kết luận số 959-TB/TU ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Dược- Sinh học tại huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình;

Xét Tờ trình số 159/TTr-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Dược - Sinh học tại huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 50/BC-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Dược - Sinh học tại huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình với những nội dung chính sau:

1. Tên đồ án: Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Dược - Sinh học tại huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

2. Phạm vi và ranh giới quy hoạch

a) Vị trí: Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch phân khu thuộc xã Trang Bảo Xá, xã An Vinh và xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

b) Ranh giới quy hoạch:

- Phía Đông: Giáp Quốc lộ QL.10;

- Phía Tây: Giáp đường tỉnh ĐT.396B và khu dân cư hiện trạng xã Trang Bảo Xá;

- Phía Nam: Giáp đường tỉnh ĐT.396B và khu dân cư hiện trạng xã Đông Hải;

- Phía Bắc: Giáp đường tỉnh ĐT.468 (đường Thái Hà) và kênh thủy lợi xã An Vinh.



c) Diện tích lập quy hoạch:

- Diện tích tổng thể khu vực nghiên cứu lập quy hoạch: 334,19 ha.
- Diện tích lập quy hoạch khu công nghiệp: 292,48 ha.

3. Tính chất khu công nghiệp: Là khu công nghiệp chuyên ngành, chuyên sản xuất và cung ứng dịch vụ cho sản xuất sản phẩm thuộc ngành Dược - Sinh học tập trung, với cơ sở hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, dịch vụ hoàn chỉnh, có công nghệ cao, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

4. Mục tiêu lập quy hoạch

a) Cụ thể hóa Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; phương án phát triển công nghiệp trong Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt.

b) Hình thành một Khu công nghiệp Dược - Sinh học hiện đại kết hợp với dịch vụ, tiện ích công cộng để phục vụ người lao động trong Khu công nghiệp; phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường góp phần xây dựng một hệ sinh thái công nghiệp - đô thị - dịch vụ toàn diện, hiện đại theo định hướng quy hoạch tỉnh Thái Bình.

c) Đóng góp vào kế hoạch phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất quốc gia nói chung, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Bình nói riêng, thu hút nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước vào khu vực, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động.

d) Khai thác có hiệu quả những lợi thế, vị trí chiến lược, tiềm năng thế mạnh của huyện Quỳnh Phụ về phát triển công nghiệp, dược liệu chất lượng cao.

đ) Làm cơ sở để triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

5. Nguyên tắc tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan

a) Tổ chức không gian trên cơ sở tiếp nối hạ tầng khung giao thông của 03 trục giao thông đối ngoại tiếp giáp khu vực lập quy hoạch: Quốc lộ QL.10, đường tỉnh ĐT.468 và đường tỉnh ĐT.396B. Trong phạm vi khu vực quy hoạch, hình thành 02 trục không gian chính: Trục Bắc - Nam kết nối đường tỉnh ĐT.468 với Quốc lộ QL.10; trục Đông - Tây kết nối đường tỉnh ĐT.396B với Quốc lộ QL.10.

Tổ chức không gian của từng khu vực chức năng, từng lô đất đảm bảo phù hợp với tổ chức không gian chính của khu vực quy hoạch đã nêu.

b) Tổ chức không gian phù hợp với hiện trạng khu vực lân cận, đảm bảo khả năng kết nối của dân cư thuộc vùng ảnh hưởng với hệ thống công trình dịch vụ - công cộng, hạ tầng kỹ thuật thiết yếu. Phân bố từng khu vực chức năng theo nguyên tắc hạn chế tối đa ảnh hưởng đến kiến trúc, cảnh quan, môi trường của khu vực lân cận.

c) Các không gian cửa ngõ Khu công nghiệp bố trí hệ thống cây xanh công cộng cấp phân khu, hệ thống công trình dịch vụ với tỷ lệ đất trồng cây xanh lớn giúp tạo điểm nhấn khu công nghiệp sạch, nâng cao giá trị kiến trúc cảnh quan. Không gian đối ngoại còn lại là dải cây xanh cách ly thân gỗ, tán rộng, xanh quanh năm để đảm bảo an toàn môi trường khu vực lân cận.

6. Quy mô dân số lao động dự kiến: Khoảng 14.000 người.

7. Chỉ tiêu sử dụng đất

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

STT	Chức năng đất	Diện tích đất (ha)	Mật độ xây dựng (%) tối đa	Tầng cao tối đa (tầng)	Tỷ lệ đất trong KCN (%)
A	Tổng diện tích đất Khu công nghiệp	292,48			100,00
1	Đất xây dựng nhà máy, kho tàng	183,03	70%	5	62,58
2	Đất khu điều hành và dịch vụ công cộng	24,18	42%	12	8,27
3	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	3,64	40%	2	1,24
4	Đất cây xanh	33,97	-	1	11,61
5	Đất kênh mương	7,13	-	-	2,44
6	Bãi đỗ xe	1,23	-	-	0,42
7	Đất đường giao thông nội khu	39,30	-	-	13,44
B	Đất khác	41,71			
1	Đất thuộc phạm vi đường Thái Hà, QL 10	5,47			
2	Đất làng xóm dân cư nông thôn	28,31			
3	Đất nghĩa trang	7,93			
	Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch	334,19			

8. Chỉ tiêu hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật

Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đối với từng lô đất tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD và các quy chuẩn,

UML

tiêu chuẩn thiết kế liên quan thuộc từng chuyên ngành.

9. Bố trí hệ thống công trình hạ tầng xã hội

a) Hệ thống công trình dịch vụ, tiện ích công cộng (bao gồm cơ sở lưu trú) cho người lao động làm việc trong Khu công nghiệp bố trí tại các phân khu vực đất dịch vụ, cửa ngõ của Khu công nghiệp.

b) Nhà ở cho người lao động được quy hoạch, bố trí tại khu vực đô thị, nông thôn lân cận khu công nghiệp, đảm bảo thuận tiện trong việc phục vụ nhu cầu di chuyển, sinh hoạt của người lao động làm việc trong Khu công nghiệp, phù hợp với Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh.

10. Bố trí mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật

a) Cao độ nền

Phù hợp với cao độ không chế chung của khu vực, khả năng kết nối với các tuyến đường xung quanh; cao độ san nền đảm bảo cốt hoàn thiện của tim đường giao thông trục chính, đường khu vực đạt trung bình +2,6m.

b) Quy hoạch giao thông

- Giao thông đối ngoại: Tuyến giao thông kết nối chính của khu vực lập quy hoạch là tuyến đường Quốc lộ QL.10 giáp ranh giới khu quy hoạch về phía Đông với mặt cắt ngang 62,5m; tuyến đường tỉnh ĐT.396B giáp ranh giới phía Tây với mặt cắt ngang 42,0m; tuyến đường tỉnh ĐT.468 (đường Thái Hà) giáp ranh giới phía Bắc với mặt cắt ngang 72,5m.

- Hệ thống giao thông đối nội trong Khu công nghiệp được phân chia thành các trục đường khu vực (trục chính) và đường phân khu vực, cụ thể:

+ Đường trục chính Khu công nghiệp (mặt cắt 1-1): Bề rộng 54,0m gồm lòng đường rộng $2 \times 11,5 = 23,0\text{m}$, dải phân cách kết hợp mương dẫn nước, cây xanh và lối đi bộ rộng 15,0m, vỉa hè mỗi bên rộng 8,0m.

+ Đường trục chính Khu công nghiệp (mặt cắt 2-2): Bề rộng 45,0m gồm lòng đường rộng $2 \times 11,5 = 23,0\text{m}$, dải phân cách giữa rộng 6,0m, vỉa hè mỗi bên rộng 8,0m.

+ Đường khu vực (mặt cắt 3-3): Bề rộng 29,5m gồm lòng đường rộng 13,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 8,0m;

+ Đường phân khu vực (mặt cắt 4-4): Bề rộng 20,5m gồm lòng đường rộng 8,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 6,0m;

+ Đường hoàn trả cho dân cư hiện trạng (mặt cắt 5-5): Bề rộng 8,0m gồm lòng đường rộng 7,0m, lề đường mỗi bên rộng 0,5m;



+ Đường hoàn trả cho dân cư hiện trạng (mặt cắt 6-6): Bề rộng 13,0m gồm lòng đường rộng 7,0m, vỉa hè mỗi bên rộng 3,0m.

- Các điểm đầu nối nút giao thông đối nội và đối ngoại là nút giao cùng mức. Bán kính tại vị trí các góc giao nhau đảm bảo theo tiêu chuẩn đối với mỗi cấp đường và đảm bảo giao thông thuận lợi.

c) Quy hoạch cấp nước

- Tổng nhu cầu cấp nước cho toàn bộ khu vực lập quy hoạch (bao gồm nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt, chữa cháy...) là: 13.300 m³/ngày đêm.

- Nguồn cấp nước từ nhà máy cấp nước An Lễ có công suất cấp nước hiện tại là 14.500 m³/ngày đêm, dự kiến có thể nâng công suất lên 38.500 m³/ngày đêm trong giai đoạn đến năm 2030 (gồm 02 Trạm xử lý: Tại xã An Lễ và xã An Quý).

- Mạng lưới đường ống cấp nước cho Khu công nghiệp là mạng lưới cấp nước chung cho sản xuất, sinh hoạt kết hợp với cấp nước chữa cháy áp lực thấp. Mạng lưới cấp nước được quy hoạch mạng vòng khép kín.

- Trong khu đất quy hoạch bố trí trạm bơm tăng áp có công suất 13.000 m³/ngày đêm tại lô đất hạ tầng kỹ thuật, có nhiệm vụ cung cấp đảm bảo lưu lượng và áp lực cho nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt cũng như có cháy xảy ra khi mạng lưới bên ngoài không đáp ứng đủ áp lực.

- Các trụ cấp nước cứu hỏa được bố trí trên vỉa hè, mỗi trụ cách nhau không quá 150m.

d) Quy hoạch cung cấp điện

- Tổng công suất tính toán của toàn khu vực quy hoạch khoảng 67.937MW, tương đương 79,886 MVA. Quy hoạch xây dựng 01 trạm biến áp 110/22kV-2x40MVA xây dựng mới cấp điện cho Khu công nghiệp tại lô đất hạ tầng kỹ thuật.

- Lưới điện trung thế phân phối điện cho các trạm biến áp khu vực dịch vụ chung và các trạm biến áp trong Khu công nghiệp là lưới điện có cấp điện áp tiêu chuẩn 22kV, quy hoạch xây dựng đường dây cáp ngầm. Phương án phân phối điện cụ thể được thể hiện khi lập quy hoạch chi tiết cho các dự án.

- Hệ thống cáp chiếu sáng xây dựng mới đi ngầm dưới vỉa hè các tuyến đường trong khu vực lập quy hoạch.

đ) Quy hoạch viễn thông

- Nguồn cấp: Lấy từ hệ thống cáp viễn thông của huyện trên các tuyến đường trục chính.

- Quy hoạch hệ thống hạ tầng thông tin chung, hệ thống ống dẫn, cống, bể cấp đảm bảo khả năng đầu nối đến từng lô đất trong Khu công nghiệp.

e) Quy hoạch thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn

- Quy hoạch xử lý nước thải: Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung đặt tại ô đất hạ tầng kỹ thuật với công suất dự kiến 9000 m³/ngày đêm. Nước thải được xử lý đạt cột A giá trị C theo QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả ra nguồn tiếp nhận ngoài dự án. Mạng lưới đường cống thoát nước được bố trí dọc theo các tuyến đường thiết kế. Các tuyến cống được xây dựng dưới vỉa hè. Phạm vi phục vụ bao gồm toàn khu vực quy hoạch.

- Trong phạm vi Khu công nghiệp bố trí một trạm trung chuyển chất thải rắn tại khu vực hạ tầng kỹ thuật chung khu công nghiệp để tập kết, trung chuyển chất thải về xử lý tại khu xử lý tập trung vùng huyện. Chất thải được phẩm, y tế được thu gom, xử lý theo quy định chuyên ngành.

11. Đánh giá môi trường chiến lược

a) Khí tượng thủy văn, chất lượng nước, không khí, hệ sinh thái, địa chất, tiếng ồn và các vấn đề xã hội là các vấn đề môi trường chiến lược chính cần đánh giá tại khu vực lập quy hoạch.

b) Đánh giá diễn biến môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch: Quá trình thực hiện quy hoạch dẫn đến một số yếu tố tác động tiêu cực đến khí tượng thủy văn, chất lượng nước, không khí, hệ sinh thái, địa chất, tiếng ồn, các vấn đề xã hội, như tăng lượng nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, sản xuất ra môi trường, ô nhiễm không khí, tiếng ồn gia tăng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế tức thì từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp dẫn đến chuyển dịch đột ngột của cơ cấu lao động và các vấn đề xã hội.

c) Các biện pháp phòng ngừa: Phân khu vực chức năng để áp dụng biện pháp bảo vệ môi trường tương ứng; quy hoạch các nhà máy sản xuất đảm bảo khoảng cách, vị trí phù hợp tránh gây ô nhiễm môi trường; trồng cây xanh cách ly xung quanh nhà máy và khu vực sản xuất khác, mỗi khu vực bố trí các khoảng cây xanh tập trung, ngoài ra có hệ thống cây xanh giữa trục các tuyến đường chính; xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn trước khi thải ra môi trường; ưu tiên sử dụng lao động địa phương; xây dựng kế hoạch quản lý và giám sát môi trường, tiến hành quan trắc, giám sát môi trường, thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật về môi trường.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.
2. Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục, tiếp thu ý kiến của Bộ Xây dựng và các bộ,



ngành trung ương trước khi phê duyệt Đồ án theo thẩm quyền; thực hiện quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng tuân thủ đúng các nội dung trong Đồ án quy hoạch. Báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh các nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có) tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khóa XVII Kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất thông qua ngày 15 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Xây dựng; Kế hoạch và Đầu tư; Tài nguyên và Môi trường; Giao thông vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Thái Bình;
- Thường trực Huyện ủy Quỳnh Phụ;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Quỳnh Phụ;
- Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ;
- Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã: Trang Bào Xá, An Vinh và Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ;
- Báo Thái Bình, Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử Thái Bình; Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Thành